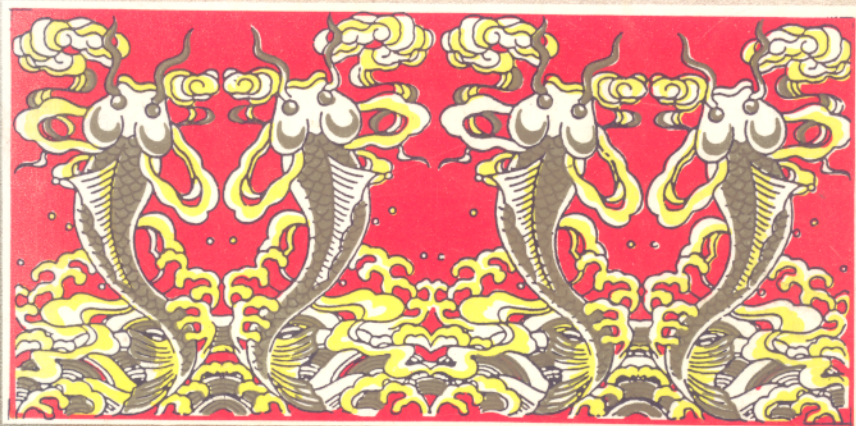


VĂN MINH NHÂN LOẠI

LÊ QUÍ ĐÔN

Kinh Thư Diễn Nghĩa



NXB
TP. HCM
1993

Seatic

Kỹ Thuật Tin Học Tiên Tiến của Việt Nam
OFFICE AUTOMATION-INFORMATION SERVICE

VĂN MINH NHÂN LOẠI

LÊ QUÍ DÔN

KINH THƯ DIỄN NGHĨA

Người dịch: NGÔ THỂ LONG
TRẦN VĂN QUYỀN

Lời giới thiệu: NGÔ THỂ LONG
(Viện Hán Nôm)

XN ĐIỆN TỬ TIN HỌC Seatic & VIỆN HÁN NÔM

NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1993

QUY CÁCH TRÌNH BÀY

1. Chúng tôi dịch *Kinh thư diễn nghĩa* của Lê Quý Đôn theo bản in sách ván gỗ, hiện lưu trữ ở Thư viện Khoa học xã hội Việt Nam, ký hiệu A. 1251. Bản này có lời tựa của Lê Quý Đôn đề năm Cảnh Hưng 33 (1772) và Lời bạt của Lý Trần Quán đề năm Cảnh Hưng 39 (1778).
2. Trong nguyên bản chữ Hán, tác giả tuy có bám sát trình tự chính văn Kinh Thư mà trích lục, bình giải, nhưng không chia ra từng tiết. Để bạn đọc dễ theo dõi chúng tôi tạm đánh số thứ tự cho các "thiên" (gồm 58 thiên), và trong mỗi thiên, lại chia lời bình giải của Lê Quý Đôn thành từng "tiết" và đánh số thứ tự các tiết. Vì vậy ở đâu mỗi tiết có hai con số, cách nhau bằng một dấu gạch ngắn thì con số đứng trước là *thiên*, số sau là *tiết*. Ví dụ 6-1 thì số 6 là thiên thứ 6 (Vũ cống) số 1 là tiết thứ 1.
3. Thứ tự của các thiên xin xem Mục lục ở đầu sách.

4. Các chú thích chúng tôi để ở sau mỗi tiết. Để giảm bớt số chú thích trùng lặp, mỗi khi cần chỉ chỗ cho độc giả xem lại hay xem thêm chú thích có liên quan thì ghi số thiên, số tiết và số chú thích (viết tắt là c.t). Ví dụ: xem 9-2, ct 3 là *thiên 9 tiết 2, chú thích 3* .

LỜI GIỚI THIỆU

Kinh thư còn gọi là *Thượng thư* (nghĩa là "lịch sử thời thượng cổ), cuốn sách ghi chép chính sự, tương truyền do Khổng Tử soạn lại và chia làm 100 thiên, chép sử từ thời Đường Nghiêu đến thời Tần Mục công, để giảng dạy cho học trò. Nhà Tần đốt sách làm một số thiên của *Thượng thư* bị mất. Nay chỉ còn 58 thiên.

Văn *Thượng thư* có 6 thể, là: *diễn* (phép tác lớn của thời Nghiêu, Thuấn, dùng làm tiêu chuẩn cho đời sau); *mô* (bàn định mưu mô) ghi chép công việc của vua tới đời Đường, Ngu; *Huấn* (lời dạy bảo của lão thần đối với vua trẻ tuổi hay vua huấn thị trăm quan); *Cáo* (lời hiểu bảo về lẽ phải trái, lợi hại); *thệ* (lời răn bảo tướng sĩ và lời thề với thần minh); *mệnh* (cáo mệnh, sách, mệnh phong vương, bổ nhiệm). Sáu thể này xếp tản mạn tùy theo thời gian chứ không theo thể loại.

Qua các đời, nhiều học giả Trung quốc có diễn giải Kinh thư, như sách *Thượng thư chính nghĩa* của Khổng An Quốc đời Hán, *Thượng thư giảng nghĩa* của Sù Hạo đời Tống, *Thư Kinh tập truyện* của Thái Trầm cũng đời Tống, *Thư Kinh trung luận* của Trương Anh đời Thanh.

Ở Việt Nam, Lê Quý Đôn là người đầu tiên có sách riêng bàn về *Kinh thư*.

Trong bài tựa sách (đề năm 1772) Lê Quý Đôn viết:

"Trị thiên hạ không thể không có chính sự. Mà xưa nay làm chính sự, thường căn cứ ở Thượng thư ... Người xưa khen sách ấy là "kho chứa nghĩa lý" bởi vì "lời dạy hay, mưu mô tốt, rường mối rộng, điển chương lớn, những điều khanh sĩ phải hiểu rõ, quan tư phải noi theo, không cái gì là không có trong ấy ..." Trong lời đề "Bạt" năm 1778, tiến sĩ Lý Trần Quán, học trò của Lê Quý Đôn, cũng xác nhận:

"Học thuật và chính sự không thể chia thành hai lĩnh vực khác nhau. Kinh thư ghi lại chính sự của hai đời Đế, ba đời Vương, mà tâm pháp truyền thụ đều do từ học thuật mà đến".

Tóm lại, các nhà nho ta xưa đã cho kinh Thư là chép lịch sử cổ đại trong đó nêu bật những tư tưởng về chính trị, về quản lý xã hội.

Giá trị của cái "kho nghĩa lý" ấy được đánh giá cao đến mức có thể làm mẫu mực cho muôn đời. Cái "đạo" (những nguyên lý chính trị) mà họ rút ra được ở sách ấy là chân lý tuyệt đối: "Theo đạo ấy thì trị, trái đạo ấy thì loạn, làm theo đạo ấy thì thịnh vượng, không làm theo đạo ấy thì suy vong" (*Tựa của Lê Quý Đôn*).

Vì là nguyên lý "duy nhất đúng đắn" như thế, cho nên, nhà học giả kiêm nhà chính trị Lê Quý Đôn (lúc này 46 tuổi, là độ tuổi đã chín chắn, đã "kinh qua các chức vụ ở đài sảnh" và đã viết khá nhiều sách) mới hăm hở lao vào chứng minh, bình luận, chú giải sách đó. Và dường như ông cũng dựa vào đó để phát biểu tư tưởng chính trị của

mình. Cùng trong lời tựa ông viết:

"Tôi ngu lậu, nghiên ngẫm lâu năm hiểu qua nghĩa lớn... Mỗi khi đọc, cảm thấy ý vị dào dạt, lý thú vô cùng. Chỗ nào xúc động mà phát minh thì tùy bút chép ra, trưng dẫn các truyện ký, bàn bạc việc xưa, đều là muốn làm ấn chứng cho sách của thánh nhân"...

Lê Quý Đôn nói khiêm tốn về công việc mình làm như vậy. Nhưng Lý Trần Quán đánh giá những cống hiến của Lê Quý Đôn khá xác đáng:

"Từ buổi thánh nhân san định Kinh Thư đến nay, số người nói ra được cái tôn chỉ sâu sắc của kinh ấy thật là ít lắm. Quyển sách này (Kinh Thư điển nghĩa) thường thường từ trong nguyên bản kinh điển, có nêu ra được những nghĩa mới, nói ra được cái điều là bách gia chưa nói, phát hiện được điều mà thiên cổ chưa phát hiện ra... lại có thêm sự hiệu thù, khảo dị cẩn thận".

Quả thật, Lê Quý Đôn đã không chỉ cúi đầu nhắm mắt học thuộc và kể lại những điều người trước đã nói, và không giải thích Kinh Thư theo kiểu thông thường là cắt nghĩa từng câu từng chữ; mà ông đã góp phần làm sáng tỏ ra nhiều chỗ, cũng như nêu ra những vấn đề tồn nghi, phản bác và nhất là có những suy nghĩ độc lập, đề xuất mới:

"Đến như những lời truyền, lời chú của tiên nho, hoặc có chỗ giống nhau, khác nhau và có chỗ đáng nghi ngờ thì đều có biện chính sơ qua..." (Lời tựa).

Ông làm việc cẩn thận, và rất hiểu giá trị và kết quả công việc mình làm. Vì thế ông tự hào đến mức có thể nói rằng:

"Việc noi gương điều thành công, răn dè điều tai hại, giữ thịnh phòng suy, sách này [Kinh Thu điển nghĩa] cũng có thể để nhà vua xem luôn bên cạnh"...

Trở lên là mấy ý nhận định tự đánh giá sơ bộ của tác giả và của người đồng thời đối với "Kinh Thu điển nghĩa"

Sau đây chúng tôi xin thuyết minh thêm, và lưu ý độc giả một đôi điều khi đi vào nghiên cứu khai thác tác phẩm này của Lê Quý Đôn:

1. *Về bối cảnh ra đời của tác phẩm.* (Sách được Lê Quý Đôn đề tựa năm 1772). Chúng ta biết, xã hội Việt Nam thời cuối Lê là một xã hội phong kiến đang đi xuống, *trong lòng* chứa chất những mâu thuẫn: cuộc nội chiến Lê Mạc chưa chấm dứt, thì nguy cơ cát cứ Nam Bắc phân tranh đã xảy ra. Vì mất mùa đói kém, nông dân nổi dậy khắp nơi. Đầu đời Cảnh Hưng (từ năm 1740) trở đi đã có các cuộc khởi nghĩa lớn của Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ, Nguyễn Hữu Cầu, Lê Duy Mật, Hoàng Công Chất, Nguyễn Danh Phương, nhiều phen làm cho kinh thành Thăng Long phải náo động. Nội bộ chính quyền Lê - Trịnh thì không ổn định: chúa lấn quyền vua. Họ Trịnh đã tùy ý phế lập các vua Lê kể từ Trung Tông cho đến Hiến Tông. Lộ liễu và tàn bạo nhất là các cuộc phế truất Lê Kính Tông (năm 1619), Vĩnh Khánh (1729), và việc bắt giam rồi giết hại Thái tử Lê Duy Vĩ (năm 1769). Những việc này chắc Lê Quý Đôn có biết. Bởi ông sinh năm 1726, đến 1752 ông 27 tuổi thi đỗ Bảng Nhãn. Năm 1758 - 1760 có đi sứ Trung Quốc, sau khi về thì bị gièm pha phải về hưu dạy học. Sau khi Trịnh Sâm lên ngôi chúa, năm 1769, nhờ có người tiến cử ông mới được dùng lại. Tổ chức ở cung đình thì rồi bết:

chúa Trịnh lập ra các cơ cấu để thu hết quyền hành tối cao (tuy ngôi vua vẫn để họ Lê giữ) như sáu phiên để giám sát 6 bộ, Ngũ phủ phủ liêu nắm cả quyền quân sự và dân sự ... Vì cần tiền chi tiêu nên "ai nộp thóc thì triều đình trao chức phẩm, ai nộp ba quan thì được danh hiệu "sinh đồ"; quan thì được cấp lính tùy hầu, được thu tiền riêng do lính kiếm được làm ngu lộc (năm 1741). Kề coi giữ tài chính nhà nước thì thông đồng tham ô... Những giá trị tinh thần và lòng tin bị xói mòn, đảo lộn... Lê Quý Đôn ra tham chính trở lại trong điều kiện như vậy, ông không thể không suy nghĩ đến một cuộc cải tổ để mong cho chính quyền mà ông phụng sự thoát khỏi nguy cơ sụp đổ.

Nếu chúng ta hiểu rằng các người đi học khi xưa, họ "thuộc lâu" kinh sử từ sớm và ta xem lại lịch sử, một số nhà cách tân khi muốn cải cách thường cũng bắt đầu từ việc "chú giải lại kinh điển cũ" như kiểu Hàn Phi, Vương An Thạch, Hồ Quý Ly, ...thì ta thấy, việc Lê Quý Đôn chú giải lại Kinh Thư và đề tựa vào năm 1772, nghĩa là 3 năm sau khi tái tham chính, không phải là một việc làm ngẫu nhiên... (nếu đơn thuần làm sách vì học thuật, hay chú giải sách để dạy trong trường của mình v.v... thì ông có thể làm vào lúc khác, hoặc đưa ra một cuốn sách khác). Đằng này, trong bối cảnh ấy, lại say sưa đi vào chú giải một cuốn sách chuyên bàn về chính trị, về quản lý xã hội như thế, hẳn là có mục đích. Mà chẳng phải suy luận nhiều, chính tác giả cũng đã nói ở bài tựa rồi: "Sách này cũng có thể cho nhà vua [thực tế người cầm quyền là nhà chúa] xem luôn bên mình".

Đĩ nhiên, không phải là Lê Quý Đĩn không có dịp để phát biểu tư tưởng chính trị của mình. Chẳng hạn vào dịp thi Đĩnh năm 1752, ỹng cũng làm một bài văn sách đề cập đến việc thời sự. Nhưng đó là lúc mới đi thi, chưa kinh qua chính trường. Nhĩng dịp nhà chúa hỏi việc quần thần, hoặc "cầu lời nĩi thẳng" không phải không có. Nhưng đó chỉ là về nhĩng công việc cụ thể, không có điều kiện cho ỹng phát biểu một cách toĩn diện, có hệ thống, có lý lẽ về tất cả các vấn đề như khi ỹng đứng dưới góc độ nghệ thuật, khi bình chú Kinh điển. Mặt khác, ngay việc "cầu lời nĩi thẳng" thời ấy cũng giống như một cái bẫy. Bũi Sĩ Tiĩm cũng vì "nĩi thẳng" mà bị mất chức, đĩu về; chính bản thân Lê Quý Đĩn cũng đã bị giĩm pha ở đời chúa trước... Cho nên sự phát ngôn, với ỹng, không thể không thận trọng. Vậy muốn nĩi gì, nên tìm một đề tài lịch sử mà nĩi. Đĩng sai, tội vạ đâu đã có thánh nhân và nhĩn thần thời xưa gánh chịu, theo kiểu "Đường Ngũ tam đại thì khen, Hán Đường trở xuống thì lĩn cho đau".

Xét hoàn cảnh ra đời các tác phẩm như vậy ta có thể thấy rằng Lê Quý Đĩn đã dựa vào việc chú giải một tác phẩm kinh điển để phát biểu tư tưởng chính trị của mình.

2. Vậy thì, cụ thể *trong khi "chú giải" kinh Thư Lê Quý Đĩn đã làm việc như thế nào, và đã đề xuất được điều gì mới?*

a) Đọc và so sánh quyển *Kinh Thư điển nghĩa* với chính văn Kinh Thư, điều người ta dễ thấy nhất là cách làm "mới mẽ" của tác giả : mang danh là "đĩn nghĩa" một cuốn kinh điển, nhưng tác giả thực tế đã bình giải tác phẩm đó, chứ không phải bám sát chính văn, giải nghĩa câu như nhĩều người đã làm. Lê Quý Đĩn có "đĩng cao